

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2025/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 3 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 2002;

Đăng ký HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh T;

2. Bị đơn: Anh Hà Duy B, sinh năm 2002;

Địa chỉ: thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cháu Hà Minh Kh, sinh ngày 13/9/2022;

Đăng ký HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện P, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã H, huyện H, tỉnh T;

Đại diện theo pháp luật của cháu Kh: anh Hà Duy B và chị Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ của cháu.

Căn cứ vào các điều 212, 213, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về mức án phí, lệ phí;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/4/2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03/4/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duy B.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duy B thoả thuận nhất

trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duy B xác nhận, vợ chồng có 01 con chung là cháu Hà Minh Kh, sinh ngày 13/9/2022. Ly hôn, anh B và chị T thỏa thuận thống nhất giao cháu Kh cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 04/2025 cho đến cháu Kh đủ 18 tuổi. Anh B và chị T thỏa thuận, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Sau khi ly hôn, anh Hà Duy B được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duy B đều xác định, anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp đối với hai bên gia đình, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị Nguyễn Thị T và anh Hà Duy B thỏa thuận thống nhất chị T tự nguyện chịu toàn bộ 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/24/0004555 ngày 04/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự HUYỆN, tỉnh Hưng Yên, chị T đã nộp đủ án phí. Hoàn trả chị Nguyễn Thị T 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND HUYỆN;
- Chi cục THADS HUYỆN;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Đ, GCNKH số 03/2022;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Bùi Mạnh Quyền